

Bản án số: 08/2019/HSPT

Ngày: 15-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Cảnh và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Huế - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2018/HSPT ngày 18 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo: Nguyễn Đình Bảo T, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đình Bảo T (tên gọi khác: B), sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Dạ V và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 08-11-2015 đến ngày 04-01-2016 được tại ngoại – Có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh năm: 1993, tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Thôn Nam H, xã Nam Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: thợ nhôm kính; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N; tiền án: không;

tiền sự: về hành vi “Ném gạch, đá vào nhà, phương tiện người khác”; bị bắt tạm giam từ ngày 08-11-2015 đến ngày 04-01-2016 được tại ngoại - Có mặt.

3. Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Văn M** - sinh năm: 1993, tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Thôn Nam X, xã Nam Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh O và bà Trần Thị G; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 08-11-2015 đến ngày 04-01-2016 được tại ngoại - Có mặt.

4. Người bị hại anh Vũ Đức V, sinh năm 1984; địa chỉ: Buôn O, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại Vũ Đức V: Ông Nguyễn Khánh L -Chi nhánh Văn phòng luật sư Đ tại Đắk Nông, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2013, Nguyễn Văn M và Nguyễn Đình Bảo T có cầm cố chiếc xe mô tô của Bảo T tại chỗ anh Vũ Đức V, sau đó T và M đến chuộc xe nhưng anh V đã bán nên xảy ra mâu thuẫn.

Vào lúc 16 giờ 30 phút, ngày 03-11-2015, M thấy anh V đang đứng trước quán cắt tóc L tại tổ 4, thị trấn Đ, huyện K nên M gọi điện cho Bảo T nói “*đang ở đâu, về ngay bùng binh bên xe huyện. Gặp thẳng ngày trước cầm xe không cho chuộc rồi*”. Bảo T đang làm rẫy nghe M gọi điện thì lấy xe máy của gia đình chạy đến điểm hẹn. Sau khi gọi cho Bảo T, M gọi điện cho Phạm Văn T nói “*lên trên bùng binh bên xe huyện giúp tí việc*”. T đang làm tại tiệm nhôm kính lấy xe máy chạy đến chỗ M hẹn.

Khi Bảo T và T đến thì cả ba cùng đi đến trước quán bida V, M đi vào quán bida tìm anh V còn Bảo T đi vào quán cắt tóc tìm anh V, T đứng ngoài xe. Khi Bảo T vào quán cắt tóc thì thấy anh V đang ngồi xem điện thoại, Bảo T quay ra chỗ T, lúc này M từ quán bida đi ra. Bảo T chỉ tay và hướng mắt về phía quán cắt tóc ra ám hiệu cho M biết là anh V đang ở trong quán. M đi vào quán cắt tóc, lúc này anh V nằm ở ghế chơi game. M đi thẳng vào chỗ anh V bắt chuyện rồi rủ anh V đi uống cà phê, lúc đầu anh V không biết ai nên từ chối, sau đó anh V theo M ra ngoài. Khi đến gần cửa quán M lấy tay khoác vai anh V, đi được khoảng 01m anh V nói không đi nữa nên quay vào quán. Lúc này, Bảo T cầm đoạn cây gỗ được cột sẵn trên xe chạy đến

đánh liên tiếp nhiều cái vào hông, vai, đầu anh V, T chạy lại dùng tay đâm vào mặt anh V 02 cái, M thì cầm tay anh V giữ lại. Khi thấy anh V chảy máu ở đầu thì M thả tay anh V ra, anh V bò vào trong quán, M chạy lại cầm chân phải anh V kéo ra ngoài quán, Bảo T liền xông vào dùng gậy đánh một cái vào đầu gối phải anh V. Anh N, chị Y, chị V chạy ra can ngăn nên Bảo T, M, T không đánh anh V nữa và đi về. Anh V được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa K rồi chuyển đến Bệnh viện Thiện Hạnh tại Đắk Lắk điều trị.

Tại kết luận số 1219/PY-TgT ngày 05-11-2015 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Đắk Lắk kết luận: Anh Vũ Đức V bị chấn thương vùng đầu 08%, chấn thương phần mềm 02%, chấn thương khớp gối +vỡ bánh chè gối phải: 15%. Tổng tỷ lệ thương tích là 25%. Các vết thương do vật cứng, tày gây ra.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 222/PY-TgT ngày 28-01-2016 của Trung tâm y tế - Sở y tế tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chấn thương khớp gối, vỡ xương bánh chè phải 15%, tổn thương sụn chêm- dây chằng chéo trước 14%, đa thương vùng đầu 06%, vết thương mặt trước xương chân trái 02%, chấn thương phần mềm 02%. Tổng tỷ lệ thương tích của anh Vũ Đức V là 39%.

Tại bản kết luận giám định lại về thương tích số 109/16/TgT ngày 19-02-2017 của Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: thương tích của anh V là 13%. Trong đó chưa giám định được tổn thương sụn chêm gối phải do không có hình ảnh so sánh từ phim MRI của Bệnh viện quân y 175 nơi anh V điều trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích lần 2 số 148/18/TgT ngày 02-7-2018 của Hội đồng giám định lại lần 2 Viện pháp y quốc gia Bộ y tế kết luận: Tổng tỷ lệ thương tích cơ thể của anh Vũ Đức V do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 21%. Thương tích khớp gối gây ra phù hợp với thời điểm chấn thương. Thương tích do tác động của vật tày trực tiếp gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Anh V yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 228.450.000 đồng. Gia đình Phạm Văn T đã bồi thường số tiền 44.150.000đ, gia đình Nguyễn Văn M đã bồi thường số tiền 14.150.000đ, gia đình bị cáo T đã bồi thường 14.150.000.000đ. Anh V có đơn bãi nại cho bị cáo T.

Về vật chứng vụ án: cơ quan điều tra đã thu giữ 01 đoạn gỗ dạng hộp, màu đen.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 24-9-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Bảo T, Nguyễn Văn M, Phạm Văn T về tội “cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 31/2018/HSST ngày 12-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện K:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Bảo T 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 08-11-2015 đến 04-01-2016.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01(một)năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 08-11-2015 đến ngày 31-12-2015.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là (04) năm kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 590 của BLDS.

Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh V số tiền 89.827.000đ. Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường 44.150.000đ. Còn lại số tiền 45.677.000đ bị cáo T và bị cáo M phải liên đới bồi thường.

Buộc bị cáo Bảo T phải bồi thường cho anh V số tiền 22.838.500đ, khấu trừ 14.150.000đ bị cáo đã bồi thường. Bị cáo còn phải bồi thường 8.688.500đ.

Buộc bị cáo M phải bồi thường cho anh V số tiền 22.838.500đ, khấu trừ 14.150.000đ bị cáo đã bồi thường. Bị cáo còn phải bồi thường 8.688.500đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 20-11-2018, bị cáo Phạm Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Ngày 23-11-2018, bị cáo Nguyễn Đình Bảo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Kháng cáo của người bị hại: Ngày 23-11-2018, bị hại anh Vũ Đức V kháng cáo đối với bị cáo Nguyễn Văn M đề nghị tăng hình phạt và không cho hưởng án

treo; đối với bị cáo Nguyễn Đình Bảo T đề nghị tăng hình phạt; đề nghị tăng mức bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình Bảo T và bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Các bị cáo thừa nhận Tòa án nhân dân huyện K xử phạt các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng pháp luật. Các bị cáo Bảo T và T kháng cáo xin hưởng án treo với các lý do: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T thêm lý do bị cáo có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, bị cáo chỉ tham gia đám anh V 02 cái vào mặt không gây ra thương tích gì.

Tại phiên tòa người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với Nguyễn Đình Bảo T và Nguyễn Văn M, đề nghị không cho bị cáo M được hưởng án treo và tăng mức bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại anh Vũ Đức V cung cấp thêm chứng từ thanh toán các chi phí tại bệnh viện và tiền vé xe, cụ thể anh V yêu cầu các bị cáo bồi thường 89.827.000 đồng (theo tòa án sơ thẩm tuyên) + 10.053.000đ; 3.000.000đ tiền phục hồi sức khỏe.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình Bảo T; sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M không cho bị cáo M được hưởng án treo; sửa về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T, xử phạt bị cáo T từ 06 - 07 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về yêu cầu bồi thường thêm do bị hại cung cấp bổ sung các hóa đơn liên quan đến việc điều trị thương tích.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại tranh luận: Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ. Về bồi thường thiệt hại đề nghị xem xét thêm cho bị hại đối với số tiền 10.053.000đ; 3.000.000đ tiền phục hồi sức khỏe mà trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị hại đã cung cấp cho Hội đồng xét xử.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án số 31/2018/HSST ngày 12-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã kết án các bị cáo Nguyễn Đình Bảo T, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về tính tiết tăng nặng định khung đối với các bị cáo: Cấp sơ thẩm có trích dẫn tình tiết tăng nặng định khung tại điểm a, điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên phần nhận định của Tòa án và phần quyết định của bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “có tính chất côn đồ” đối với các bị cáo là thiếu sót. Vì, năm 2013 bị cáo T và M có cầm cổ xe cho anh V chiếc xe mô tô của T. Sau đó T và M không đến chuộc xe nên anh V đã bán. Ngày 03/11/2015 khi gặp anh V M rủ T và T đánh anh V vì lý do trên, sau khi M giữ cho T cầm cây gỗ đánh nhiều cái lên mặt, người anh V, T đâm hai cái vào mặt anh V, anh V bò vào trong quán thì M dùng tay kéo chân bị cáo lại để T dùng gậy gỗ đánh vào đầu gối anh V. Như vậy chỉ vì lý do nhỏ nhặt vào năm 2013 mà các bị cáo đã ngang nhiên đánh anh V giữa ban ngày, tại khu vực đông dân cư, người bị hại không có bất cứ lời nói, hành động nào chống đối. Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là “Có tính chất côn đồ” đối với các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo T, bị cáo T, người bị hại về hình phạt và các ý kiến tranh luận của Luật sư, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[3.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T, kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T: Xét thấy, bị cáo T đã dùng cây gỗ trực tiếp đánh anh V, hành vi rất quyết liệt, là nguyên nhân chính dẫn đến thương tích trên cơ thể anh của anh V. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường về sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nên áp dụng mức hình phạt 02 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra đối với anh V. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo đối với bị cáo T.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, xét thấy: Khi M và T đánh anh V thì bị cáo đâm 02 cái

vào mặt anh V. Xét về hành vi thì bị cáo T và M nguy hiểm hơn hành vi của bị cáo T, gia đình của bị cáo T đã bồi thường cho anh V số tiền 44.150.000đ, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay anh V xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo T cung cấp giấy xác nhận gia đình bị cáo là hộ cận nghèo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 01(một) năm 03 (ba) tháng tù là có phần nghiêm khắc. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo xin được hưởng án treo, tuy nhiên ngày 18-5-2015, Công an xã N ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC đối với Phạm Văn T với mức phạt tiền là 750.000đ. Ngày 03-11-2015, bị cáo T cùng với bị cáo T và M thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 02-12-2015, Phạm Văn T mới nộp số tiền bị xử phạt theo quyết định số 13 tại Kho bạc nhà nước Krông Nô (BL 131-132). Như vậy, theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018, bị cáo T không được hưởng án treo.

[4]. Xét kháng cáo của người bị hại anh Vũ Đức V đối với Nguyễn Văn M về việc không cho hưởng án treo và tăng mức bồi thường thiệt hại:

[4.1] Anh V kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo M và đề nghị không cho hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo M là người khởi xướng, chính bị cáo là người gọi điện cho T và M đi đánh anh V, bị cáo đã vào tiệm cắt tóc để tìm cách cho anh V đi ra ngoài, mục đích của bị cáo là muốn anh V đi ra để T và T đánh. Khi T dùng gậy đánh anh V thì M là người giữ tay anh M cho các bị cáo thực hiện hành vi, anh V bò vào bên trong quán thì M cầm chân anh V kéo ra ngoài. Như vậy, hành vi của bị cáo M là nguy hiểm, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo là có phần chưa nghiêm khắc đồng thời theo quy định tại Điều 65 BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP thì bị cáo là người khởi xướng, cầm đầu nên không cho bị cáo được hưởng án treo mới đảm bảo đúng quy định. Xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội 01 thời gian để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội thì mới đảm bảo đúng và phù hợp với hành vi của bị cáo gây ra. Do đó, cần chấp nhận 01 phần kháng cáo của anh V về việc không cho bị cáo M được hưởng án treo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh V yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại:

Xét thấy, anh V bị thương tích thiệt hại 21% sức khỏe là do các bị cáo gây ra nên bị cáo T, M và T phải liên đới chịu toàn bộ chi phí điều trị khám chữa bệnh của anh V. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận những khoản chi phí hợp lý của anh V và những thiệt hại thực tế cho việc khám, điều trị, phục hồi

sức khỏe của anh V sau khi bị các bị cáo gây thương tích với số tiền 89.827.000đ là phù hợp, có căn cứ đúng với quy định tại Điều 590 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V cung cấp thêm một số chứng từ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một số khoản, cụ thể: Số tiền khám, tiền thuốc, tiền chụp XQ là 3.078.000 đồng; tiền xe đi khám, chữa bệnh, đi giám định tại thành phố Hồ Chí Minh là: 3.585.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho anh V là 89.827.000 đồng + 6.663.000 đồng = 96.490.000đ (*Chín mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng*).

Bị cáo T đã bồi thường cho bị hại số tiền 44.150.000đ, bị hại không yêu cầu bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại cho bị hại. Bị cáo Bảo T và M, mỗi bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 14.150.000 đồng. Số tiền còn lại bị hại yêu cầu bị cáo Bảo T và M có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại, bị cáo Bảo T và M đồng ý bồi thường số tiền còn lại cho bị hại và không yêu cầu bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường cùng các bị cáo. Do đó, bị cáo Bảo T và M, mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho anh V số tiền 12.020.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng pháp luật và phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Phạm Văn T. Cần chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại anh Vũ Đức V đối với yêu cầu không cho bị cáo Nguyễn Văn M được hưởng án treo, sửa bản án về phần trách nhiệm dân sự.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Bảo T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Bảo T.
2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T về phần hình phạt.
3. Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại anh Vũ Đức V, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HSST ngày 12-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M và sửa về phần trách nhiệm dân sự.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Bảo T 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 08-11-2015 đến 04-01-2016.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 08-11-2015 đến ngày 31-12-2015.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 08-11-2015 đến ngày 31-12-2015.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự: Tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Đình Bảo T, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Vũ Đức V số tiền 96.490.000 đồng, khấu trừ 72.450.000 đồng (Trong đó khấu trừ 44.150.000 đồng mà chị Phạm Thị L (vợ của bị hại) đã nhận trực tiếp từ bị cáo Phạm Văn T (Cha của bị cáo T), khấu trừ số tiền bị hại đã nhận trực tiếp của đại diện gia đình mỗi bị cáo Bảo T và M số tiền 4.150.000 đồng, khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng mỗi bị cáo Bảo T và M đã nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo giấy nộp tiền ngày 06-11-2018. Còn lại số tiền 24.040.000 đồng buộc các bị cáo Nguyễn Đình Bảo T và Nguyễn Văn M, mỗi bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh Vũ Đức V số tiền 12.020.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trả nợ theo quy định pháp luật.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Đình Bảo T và Nguyễn Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 601.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Đình Bảo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện K;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Tổ thụ lý, lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thị Ngọc

